

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/KDTM-ST

Ngày: 16 – 10 – 2020

V/v tranh chấp về hợp đồng gia công,
hợp đồng cho thuê tài chính và kiện
đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Trí.

2. Ông Phạm Văn Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phiêu – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-KDTM ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng gia công, hợp đồng cho thuê tài chính và kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Cơ khí HNT.

Địa chỉ: Số 000, ấp 3, xã 4, huyện 5, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Phạm Trần Bảo N, sinh năm 1983 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. Địa chỉ: Số 00, ấp 3, xã 4, huyện 5, tỉnh Đồng Tháp; là người đại diện theo pháp luật. Có mặt.

2. Ông Trần Văn L. Địa chỉ: Số 00, khóm 00, thị trấn 00, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 11/7/2019). Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Thế T, sinh năm 1977 – đại diện hộ kinh doanh HT.

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Anh T và chị H vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông W, C - C, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Tầng 00, Cao ốc 00 0, số 00 0, phường 7, quận 00, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế C: Ông Lê Đức Th, chức vụ: Phó Phòng thu hồi công nợ; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2020). Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH Cơ khí HNT – ông Phạm Trần Bảo N và ông Trần Văn L trình bày:*

* Vào tháng 3/2015, Cơ sở sấy lúa TH (nay là Cơ sở sấy lúa HT) (do anh Phan Thế T là đại diện hộ kinh doanh) và chị Nguyễn Thị H (là vợ anh Phan Thế T) (Bên A) có ký kết hợp đồng thi công xây dựng nhà bao che nhà máy sấy lúa (gọi tắt là Hợp đồng số 1) với Công ty TNHH Cơ khí HNT (gọi tắt là Công ty HNT) (Bên B). Hợp đồng không ghi ngày, chỉ ghi tháng 3/2015. Nội dung: Công ty HNT chịu trách nhiệm thiết kế, cung cấp nguyên vật liệu làm khung nhà bao che nhà máy sấy lúa cho cơ sở sấy lúa HT, giá trị hợp đồng là 374.415.665 đồng. Phương thức thanh toán chia làm 03 đợt:

- Đợt 1: Tạm ứng 50% giá trị hợp đồng, tương đương 187.207.833 đồng.

- Đợt 2: Sau khi bên B tập kết đầy đủ thiết bị đến công trình. Trong vòng 05 ngày, bên A phải tạm ứng 30% giá trị hợp đồng, tương đương 112.324.700 đồng.

- Đợt 3: Sau khi thiết bị được lắp đặt hoàn chỉnh, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, bên A phải thanh toán 20% giá trị hợp đồng, tương đương 74.883.133 đồng, trong vòng 15 ngày sau khi ký biên bản nghiệm thu.

Ngoài ra, trong quá trình thi công có phát sinh thêm chi phí được 02 bên thống nhất là 22.400.000 đồng.

Tổng cộng, anh T và chị H phải thanh toán cho Công ty HNT số tiền là 396.815.665 đồng.

Phía Công ty HNT đã xây dựng nhà bao che nhà máy sấy lúa xong.

Anh T và chị H đã thanh toán cho Công ty HNT được số tiền 300.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 96.815.665 đồng.

Công ty HNT xác định 02 bên đã tiến hành nghiệm thu công trình xong, nhưng không cung cấp được biên bản nghiệm thu có xác nhận của bị đơn. Tuy nhiên, hai bên đã xác nhận công nợ ngày 13/10/2015, xác nhận anh T và chị H

còn nợ Công ty HNT số tiền là 96.815.665 đồng.

* Ngày 13/10/2015, Cơ sở sấy lúa TH (nay là Cơ sở sấy lúa HT) (do anh Phan Thế T là đại diện hộ kinh doanh) và chị Nguyễn Thị H (Bên A) có ký kết hợp đồng cung cấp và lắp đặt thiết bị hệ thống tháp sấy lúa 3,5 tấn – 4 tấn/giờ/tháp (gọi tắt là Hợp đồng số 2) với Công ty HNT (Bên B). Nội dung: Công ty HNT cung cấp và lắp đặt thiết bị hệ thống tháp sấy lúa 3,5 tấn – 4 tấn/giờ/tháp cho cơ sở sấy lúa HT. Giá trị hợp đồng 2.367.900.000 đồng. Phương thức thanh toán chia làm 03 đợt:

- Đợt 1: Bên A tạm ứng 400.000.000 đồng cho bên B chậm nhất trong vòng 05 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

- Đợt 2: Sau khi thiết bị được lắp đặt hoàn chỉnh và chạy thử, trong vòng 05 ngày bên A phải tạm ứng tiếp 200.000.000 đồng cho bên B.

- Đợt 3: Sau khi thiết bị được lắp đặt hoàn chỉnh, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, bên A thanh toán cho bên B 1.767.900.000 đồng, chậm nhất trong vòng 15 ngày, kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu.

Công ty HNT đã tiến hành lắp đặt hệ thống tháp sấy lúa xong. Hai bên đã tiến hành xác nhận công nợ ngày 10/01/2016, ký biên bản nghiệm thu vào ngày 08/7/2016. Đến ngày 13/7/2016, hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng này có phát sinh chi phí tăng là 368.076.000 đồng và chi phí giảm là 88.600.000 đồng.

Tổng giá trị hợp đồng sau khi phát sinh chi phí tăng, giảm là: 2.367.900.000 đồng + 368.076.000 đồng - 88.600.000 đồng = 2.647.376.000 đồng.

Anh T và chị H đã thanh toán cho Công ty HNT nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 01/10/2015, thanh toán 100.000.000 đồng.
- Ngày 19/10/2015, thanh toán 300.000.000 đồng.
- Ngày 02/02/2016, thanh toán 60.000.000 đồng.
- Ngày 21/02/2016, thanh toán 140.000.000 đồng.
- Ngày 21/3/2016, thanh toán 100.000.000 đồng.
- Ngày 17/6/2016, thanh toán 20.000.000 đồng.
- Ngày 30/7/2016, thanh toán 80.000.000 đồng.
- Ngày 29/8/2016, thanh toán 100.000.000 đồng.
- Ngày 28/10/2016, thanh toán 30.000.000 đồng.
- Ngày 23/11/2016, thanh toán 50.000.000 đồng.
- Ngày 20/12/2016, thanh toán 200.000.000 đồng.
- Ngày 27/01/2017, thanh toán 30.000.000 đồng.
- Ngày 24/02/2017, thanh toán 100.000.000 đồng.
- Ngày 01/7/2017, thanh toán 200.000.000 đồng.

Tổng cộng anh T và chị H thanh toán được số tiền 1.510.000.000 đồng.

Khi thực hiện hợp đồng này, Công ty HNT chưa lắp đặt cây cân trị giá 77.900.000 đồng theo hợp đồng, do anh T và chị H không đưa tiền lắp đặt, nên Công ty HNT thống nhất trừ chi phí này ra.

Như vậy, anh T và chị H còn nợ Công ty HNT đối với hợp đồng số 2 là 1.059.476.000 đồng (2.647.376.000 đồng – 77.900.000 đồng – 1.510.000.000 đồng = 1.059.476.000 đồng).

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện hợp đồng thì anh T và chị H có nhờ Công ty HNT liên hệ với Cơ sở Điện cơ – Điện công nghiệp QK chạy dây điện từ CP tổng vào tủ điện quạt sấy của Cơ sở sấy lúa HT giúp cho anh T và chị H. Chi phí chạy dây điện từ CP tổng vào tủ điện quạt sấy của Cơ sở sấy lúa HT phải trả cho Cơ sở Điện cơ – Điện công nghiệp QK là 28.832.000 đồng. Sau khi, Cơ sở Điện cơ – Điện công nghiệp QK thực hiện xong thì anh T và chị H không thanh toán chi phí này cho Cơ sở Điện cơ – Điện công nghiệp QK, nên anh Phạm Trần Bảo N là đại diện của Công ty HNT có nói với anh T và chị H sẽ thanh toán thay cho anh T và chị H số tiền này, anh T và chị H sẽ trả lại tiền cho Công ty HNT sau, vì Công ty HNT đã đứng ra liên hệ với Cơ sở Điện cơ – Điện công nghiệp QK chạy dây điện từ CP tổng vào tủ điện quạt sấy của Cơ sở sấy lúa HT giúp cho anh T và chị H và để giữ uy tín cho Công ty HNT; anh T và chị H đồng ý. Sau khi Công ty HNT thanh toán số tiền 28.832.000 đồng cho Cơ sở Điện cơ – Điện công nghiệp QK thay cho anh T và chị H, thì Công ty HNT có yêu cầu anh T và chị H trả số tiền này cho Công ty. Nhưng đến nay, anh T và chị H chưa trả lại cho Công ty HNT số tiền này.

Tổng cộng, anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H còn nợ Công ty HNT số tiền: 96.815.665 đồng + 1.059.476.000 đồng + 28.832.000 đồng = 1.185.123.665 đồng.

Sau khi lắp đặt xong hệ thống máy sấy lúa thì anh T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị H cần vốn để làm ăn. Do anh T và chị H chưa thanh toán hết số tiền còn nợ đối với Hợp đồng số 2 cho Công ty HNT, nên quyền sở hữu hệ thống máy sấy lúa vẫn còn thuộc quyền sở hữu của Công ty HNT. Vì vậy, anh T và chị H, có nhờ Công ty HNT ký kết Hợp đồng mua bán trong nước số B1611212C2-PC ngày 15/12/2016 và Hợp đồng mua bán trong nước số B1612029C2-PC ngày 22/02/2017 với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế C (gọi tắt là Công ty C) để bán hệ thống máy sấy lúa cho Công ty C. Công ty C, anh T và chị H ký kết hợp đồng cho thuê tài chính để thuê lại hệ thống máy sấy, việc thỏa thuận giữa Công ty C, anh T và chị H như thế nào thì Công ty HNT không rõ.

Công ty C, Công ty HNT, anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT có ký kết Hợp đồng mua bán trong nước số B1611212C2-PC ngày 15/12/2016 và Hợp đồng mua bán trong nước số B1612029C2-PC ngày 22/02/2017. Theo đó, bên Công ty HNT bán cho Công ty C hệ thống máy sấy lúa gồm: Đối với Hợp đồng mua bán trong nước số B1611212C2-PC bán 02 tháp sấy và Hợp đồng mua bán trong nước số B1612029C2-PC bán 02 tháp sấy, với số tiền 1.100.700.000 đồng/01 Hợp đồng/02 tháp. Theo 02 hợp đồng trên thì Công ty C trả trước cho

Công ty HNT số tiền 660.420.000 đồng/01 hợp đồng, tổng cộng 660.420.000 đồng/01 hợp đồng x 02 hợp đồng = 1.320.840.000 đồng.

Sau khi ký kết Hợp đồng mua bán trong nước số B1611212C2-PC ngày 15/12/2016 và Hợp đồng mua bán trong nước số B1612029C2-PC ngày 22/02/2017 nêu trên, thì phía Công ty C có thanh toán cho Công ty HNT số tiền như sau:

1. Ngày 15/12/2016, Công ty C đã chuyển khoản cho Công ty TNHH Cơ khí HNT số tiền 660.420.000 đồng (60% giá trị hợp đồng). Sau khi nhận số tiền này Công ty HNT đã giao lại cho chị H số tiền 660.000.000 đồng vào ngày 20/12/2016, khi giao thì chị H có viết biên nhận nhận số tiền này cùng ngày, biên nhận gốc do chị H giữ, phía Công ty HNT có chụp hình lại biên nhận này. Cùng ngày 20/12/2016, chị H có trả cho Công ty HNT số tiền 200.000.000 đồng, số tiền này Công ty HNT đã liệt kê vào sổ tiền mà anh T và chị H đã trả cho Công ty HNT đối với hợp đồng số 2 như nêu trên.

2. Ngày 23/02/2017, Công ty C đã chuyển khoản cho Công ty HNT số tiền 660.420.000 đồng (60% giá trị hợp đồng). Sau khi nhận số tiền này Công ty HNT đã chuyển khoản vào tài khoản của anh Phan Thế T số tiền 560.000.000 đồng vào ngày 24/02/2017, còn lại 100.000.000 đồng, anh T nói là trả cho Công ty HNT, nên Công ty HNT giữ lại để trừ qua tiền lắp đặt hệ thống máy sấy lúa mà anh T và chị H còn nợ Công ty HNT, số tiền này Công ty HNT đã liệt kê vào sổ tiền mà anh T và chị H đã trả cho Công ty HNT đối với hợp đồng số 2 nêu trên.

Đối với 40% giá trị Hợp đồng mua bán trong nước số B1611212C2-PC ngày 15/12/2016 và Hợp đồng mua bán trong nước số B1612029C2-PC ngày 22/02/2017, anh T và chị H không có thanh toán cho Công ty HNT số tiền này.

Công ty HNT không có tranh chấp hay yêu cầu gì với Công ty C, hộ kinh doanh HT - anh Phan Thế T là đại diện và chị Nguyễn Thị H đối với Hợp đồng mua bán trong nước số B1611212C2-PC ngày 15/12/2016 và Hợp đồng mua bán trong nước số B1612029C2-PC ngày 22/02/2017.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty HNT yêu cầu Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H trả số tiền còn nợ là 1.185.123.665 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 08/6/2016 đến khi xét xử với mức lãi suất theo quy định pháp luật tính trên số tiền gốc là 1.185.123.665 đồng.

Tại phiên tòa, Công ty HNT thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Công ty HNT yêu cầu anh T và chị H trả số tiền còn nợ đối với Hợp đồng số 1 là 96.815.665 đồng và Hợp đồng số 2 là 1.059.476.000 đồng, tổng cộng là 1.156.291.665 đồng (nhưng chỉ yêu cầu trả số tiền 1.156.000.000 đồng) và yêu cầu trả lãi đối với số tiền 1.156.000.000 đồng từ ngày 09/7/2018 đến khi Tòa án ra bản án hoặc quyết định với mức lãi suất là 9%/năm. Đồng thời, Công ty HNT yêu cầu anh T và chị H trả số tiền mà Công ty HNT đã thanh toán cho Cơ sở Điện cơ – Điện công nghiệp QK thay cho anh T và chị H là 28.832.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Thế T và chị Nguyễn Thị

H có văn bản trình bày:

Anh T và chị H là vợ chồng.

Anh T và chị H thống nhất có thỏa thuận và ký kết Hợp đồng số 1 và Hợp đồng số 2 như Công ty HNT trình bày.

Đối với Hợp đồng số 1, anh chị không có tranh chấp hay ý kiến gì trong quá trình thực hiện hợp đồng. Anh chị xác định hai bên chưa tiến hành nghiệm thu và lập biên bản nghiệm thu. Tuy nhiên, anh chị có ký biên bản xác nhận công nợ ngày 13/10/2015.

Anh chị không nhớ đã thanh toán cho Công ty HNT bao nhiêu tiền. Nhưng đến thời điểm ký kết hợp đồng số 2, thì anh chị không còn nợ Công ty HNT đối với hợp đồng số 1 nữa. Vì số tiền còn nợ đối với hợp đồng số 1, anh T, chị H và Công ty HNT đã thống nhất trừ cân qua Hợp đồng số 2 xong. Anh chị không có chứng cứ gì chứng minh cho trình bày của mình.

Đối với hợp đồng số 1 anh chị không có tranh chấp gì đối với Công ty HNT. Vì hợp đồng thi công xây dựng nhà bao che nhà máy sấy lúa đã thanh toán xong cho Công ty HNT, hiện nay không còn nợ đối với hợp đồng số 1.

Đối với hợp đồng số 02, anh chị thống nhất tổng giá trị hợp đồng sau khi phát sinh chi phí tăng, giảm là 2.647.376.000 đồng và chi phí mà Cơ sở Điện cơ – Điện công nghiệp QK chạy dây điện từ CP tổng vào tủ điện quạt sấy của Cơ sở sấy lúa HT là 28.832.000 đồng. Anh chị thống nhất đã trả cho Công ty HNT số tiền 1.510.000.000 đồng như Công ty HNT trình bày; có nhờ Công ty HNT liên hệ với Cơ sở Điện cơ – Điện công nghiệp QK để chạy dây điện từ CP tổng vào tủ điện quạt sấy của Cơ sở sấy lúa HT giúp cho anh chị. Cơ sở Điện cơ – Điện công nghiệp QK có thực hiện chạy dây điện từ CP tổng vào tủ điện quạt sấy của Cơ sở sấy lúa HT. Sau khi Cơ sở Điện cơ – Điện công nghiệp QK chạy dây điện từ CP tổng vào tủ điện quạt sấy của Cơ sở sấy lúa HT, thì anh Khởi là người đại diện cho Cơ sở Điện cơ – Điện công nghiệp QK có liên hệ qua điện thoại cho anh chị để yêu cầu thanh toán số tiền là 28.832.000 đồng. Anh chị thống nhất có nhờ phía Công ty HNT thanh toán thay số tiền này cho anh chị. Phía Công ty HNT đã thanh toán cho Cơ sở Điện cơ – Điện công nghiệp QK thay cho anh chị số tiền là 28.832.000 đồng xong. Sau đó, anh chị đã thanh toán số tiền là 28.832.000 đồng lại cho Công ty HNT. Anh T, chị H và anh N là đại diện của Công ty HNT đã thống nhất trừ cân số tiền này vào số tiền mà anh chị phải thanh toán cho Hợp đồng số 2, nhưng anh chị không nhớ cụ thể đã trừ cân vào thời gian nào, vào số tiền nào. Anh chị không có chứng cứ gì chứng minh cho trình bày của mình.

Đối với hợp đồng số 2, anh T và chị H có tranh chấp với Công ty HNT các nội dung như sau:

- Thi công không đúng thiết bị, vật tư, kích thước xây dựng theo hợp đồng.
- Tự thay đổi bản vẽ trong hợp đồng.
- Lên bản vẽ sai mặt bằng kích thước kho.
- Kể từ khi Công ty HNT hoàn thành xong thiết bị hệ thống tháp sấy lúa thì

chất lượng gạo khi tiến hành chạy hệ thống tháp không đạt theo yêu cầu là tỷ lệ gạo gãy rạn là $\leq 4\%$. Anh chị có yêu cầu Công ty HNT khắc phục, sửa chữa nhưng Công ty HNT không khắc phục được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị không có chứng cứ gì chứng minh thiết kế, lắp đặt hệ thống tháp sấy lúa 3,5 tấn – 4 tấn/giờ/tháp của Công ty HNT không đạt yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết và cũng không có chứng cứ gì chứng minh anh chị đã yêu cầu Công ty HNT khắc phục sửa chữa, nhưng Công ty HNT không khắc phục, sửa chữa được.

Anh T và chị H không đồng ý trả cho Công ty HNT số tiền còn nợ là 1.185.123.665 đồng. Do số tiền còn nợ đối với hợp đồng số 1 đã trừ cân qua hợp đồng số 2 và Công ty HNT vi phạm hợp đồng số 2. Anh T và chị H yêu cầu Công ty HNT phải khắc phục, sửa chữa để đạt yêu cầu kỹ thuật và chất lượng công trình theo Hợp đồng số 2. Nếu Công ty HNT không đồng ý hoặc không khắc phục, sửa chữa được thì yêu cầu Công ty HNT phải thu hồi toàn bộ công trình và hoàn trả lại cho anh chị số tiền đã trả cho Công ty HNT là 1.510.000.000 đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế C - ông Lê Đức Th có văn bản trình bày:

Ngày 02/12/2016, Công ty C đã ký kết với anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT Hợp đồng cho thuê tài chính số B1611212C2 và số B1612029C2. Theo đó, bên Công ty C cho anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT thuê tài sản gồm hệ thống máy sấy lúa gồm 04 bộ tháp sấy (02 bộ tháp sấy/01 hợp đồng), với giá trị tài sản thuê là 1.100.700.000 đồng/01 Hợp đồng, giá trị thuê là 770.490.000 đồng/01 hợp đồng, với thời hạn thuê là 48 tháng, lãi suất được thỏa thuận cụ thể tại hợp đồng thuê.

Công ty C, Công ty HNT, anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT có ký kết Hợp đồng mua bán trong nước số B1611212C2-PC ngày 15/12/2016 và Hợp đồng mua bán trong nước số B1612029C2-PC ngày 22/02/2017. Theo đó, Công ty HNT bán cho Công ty C hệ thống máy sấy lúa gồm: Hợp đồng mua bán trong nước số B1611212C2-PC bán 02 tháp sấy và Hợp đồng mua bán trong nước số B1612029C2-PC bán 02 tháp sấy, với số tiền 1.100.700.000 đồng/01 Hợp đồng/02 tháp. Theo 02 hợp đồng trên thì Công ty C trả trước cho Công ty HNT số tiền 660.420.000 đồng/01 hợp đồng, tổng cộng 660.420.000 đồng/01 hợp đồng x 02 hợp đồng = 1.320.840.000 đồng.

Sau khi ký kết Hợp đồng mua bán trong nước số B1611212C2-PC ngày 15/12/2016 và Hợp đồng mua bán trong nước số B1612029C2-PC ngày 22/02/2017 nêu trên, thì Công ty C có thanh toán cho Công ty HNT số tiền như sau:

1. Ngày 15/12/2016, Công ty C đã chuyển khoản cho Công ty TNHH Cơ khí HNT số tiền 660.420.000 đồng (60% giá trị hợp đồng).

2. Ngày 23/02/2017, Công ty C đã chuyển khoản cho Công ty HNT số tiền 660.420.000 đồng (60% giá trị hợp đồng).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, anh T thường xuyên thanh toán không đúng hạn. Đến nay, mặc dù Công ty đã nhiều lần liên lạc cũng như làm việc trực tiếp với anh T để yêu cầu thanh toán tiền thuê nhưng anh T không thanh toán tiền thuê theo hợp đồng đã ký kết.

Do anh T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê; Nên vào ngày 26/10/2018, Công ty C đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu anh T – đại diện hộ kinh doanh HT thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê là 1.124.542.834 đồng và chấm dứt hợp đồng thuê từ ngày 30/10/2018.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng thuê, Công ty C đã nhiều lần liên hệ với anh T để yêu cầu thanh toán các khoản tiền thuê còn nợ. Ngày 06/11/2018, Công ty C đã có buổi làm việc trực tiếp với anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và Bên bảo lãnh là chị Nguyễn Thị H để yêu cầu thanh toán tiền thuê. Theo đó, anh T và chị H cam kết từ tháng 12/2018 sẽ thanh toán tối thiểu 40.000.000 đồng/tháng cho Công ty C. Tuy nhiên, từ tháng 12/2018 đến nay, anh T chỉ thanh toán 01 lần duy nhất vào ngày 11/01/2019 với số tiền là 40.000.000 đồng.

Cho đến nay, anh T và chị H không thanh toán thêm bất kỳ khoản nợ nào cho Công ty C.

Ngày 12/5/2020, Công ty C đã sử dụng tiền ký cược bảo đảm là 220.140.000 đồng (của 02 hợp đồng thuê) trừ vào nợ gốc của 02 hợp đồng thuê.

Công ty C yêu cầu giải quyết những nội dung sau:

Công ty C yêu cầu anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C số tiền thuê mà Hộ kinh doanh HT – do anh T là đại diện còn nợ tính đến ngày 16/10/2020 là: 1.024.127.859 đồng (một tỷ, không trăm hai mươi bốn triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn, tám trăm năm mươi chín đồng), trong đó, nợ gốc là 719.024.375 đồng và nợ lãi là 305.103.484 đồng.

Yêu cầu anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H thanh toán cho Công ty C tiền lãi quá hạn phát sinh sau ngày 16/10/2020 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính là 14,13%/năm (bằng 1,5 lần lãi suất thuê trong hạn: 9,42%/năm) cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị H có văn bản trình bày:

Đối với số tiền Công ty C trả 60% giá trị 02 Hợp đồng mua bán trong nước

số B1611212C2-PC và số B1612029C2-PC cho Công ty HNT là 660.420.000 đồng/01 hợp đồng, tổng cộng 660.420.000 đồng/01 hợp đồng x 02 hợp đồng = 1.320.840.000 đồng; Chị H xác định Công ty HNT có đưa lại cho chị H và anh T số tiền này, nhưng chị H không xác định được Công ty HNT đã đưa cho anh T và chị H số tiền bao nhiêu. Chị H chỉ nhớ là 01 lần Công ty HNT đã chuyển khoản và 01 lần anh Phạm Trần Bảo N đại diện cho Công ty HNT giao trực tiếp tiền cho anh T và chị H.

Chị H thống nhất anh T và chị H có ký kết các hợp đồng theo trình bày của đại diện Công ty C và Công ty HNT.

Chị H thống nhất liên đới với anh T trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ theo yêu cầu Công ty C trong đó, nợ gốc là 939.164.375 đồng và nợ lãi là 243.295.720 đồng (tạm tính đến ngày 11/02/2020) và tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 12/02/2020 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính là 14,13%/năm (bằng 1,5 lần lãi suất thuê trong hạn: 9,42%/năm) cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Đối với yêu cầu của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế C anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Phan Thế T và chị Nguyễn Thị H chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Cơ khí HNT và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế C.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Cơ khí HNT, Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế C và Cơ sở sấy lúa HT; Hợp đồng thi công xây dựng nhà bao che nhà máy sấy lúa, cung cấp và lắp đặt hệ thống tháp sấy lúa giữa cơ sở lò sấy TH và Công ty TNHH Cơ khí HNT và các biên bản, tài liệu kèm theo hợp đồng; Hợp đồng cho thuê tài chính giữa Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế C và hộ kinh doanh HT; Hợp đồng mua bán trong nước giữa Công ty TNHH Cơ khí HNT, Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế C và hộ kinh doanh HT và các biên bản, tài liệu kèm theo hợp đồng...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung: Công ty HNT yêu cầu anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H phải trả số tiền mà Công ty HNT đã cung ứng, lắp đặt nhà bao che nhà máy sấy lúa và hệ thống tháp sấy lúa cho hộ kinh doanh HT và số tiền Công ty HNT đã thanh toán cho Cơ sở Điện cơ – Điện công nghiệp QK thay cho anh T và chị H, thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng gia công và kiện đòi tài sản; Công ty C yêu cầu anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H trả số tiền còn nợ theo hợp đồng cho thuê tài chính được các ký kết giữa các bên, thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính; được quy định tại khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H cư trú tại ấp 1, xã Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Công ty C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt; anh Phan Thế T và chị Nguyễn Thị H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Đại diện Công ty C, anh T và chị H là đúng theo quy định tại điểm b và d khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Công ty HNT.

[2.1.1] Đối với yêu cầu của Công ty HNT về việc yêu cầu anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H trả số tiền còn nợ đối với hợp đồng số 1.

Anh Phan Thế T và chị Nguyễn Thị H đều thống nhất có ký kết với Công ty HNT hợp đồng số 1. Công ty HNT xác định 02 bên đã tiến hành nghiệm thu công trình xong, nhưng không cung cấp được biên bản nghiệm thu có xác nhận của bị đơn. Tuy nhiên, hai bên đã xác nhận công nợ ngày 13/10/2015, xác nhận anh T và chị H còn nợ Công ty HNT số tiền là 96.815.665 đồng. Hai bên không có tranh chấp gì trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Việc anh T và chị H xác định đã thanh toán xong số tiền còn nợ theo hợp đồng này, bằng việc trừ cán qua hợp đồng số 2, nhưng Công ty HNT không thừa nhận và anh T, chị H không có chứng cứ gì chứng minh.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Công ty HNT buộc anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H liên đới trả cho Công ty HNT số tiền còn nợ đối với hợp đồng số 1 là 96.815.665 đồng.

[2.1.2] Đối với yêu cầu của Công ty HNT về việc yêu cầu anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H trả số tiền còn nợ đối với hợp đồng số 2.

Anh Phan Thế T và chị Nguyễn Thị H đều thống nhất có ký kết với Công ty HNT hợp đồng số 2, thống nhất các chi phí tăng giảm trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị H đều cho rằng đối với hợp đồng số 2, Công ty HNT thi công không đúng thiết bị, vật tư, kích thước xây dựng theo hợp đồng; Tự thay đổi bản vẽ trong hợp đồng; Lên bản vẽ sai mặt bằng kích thước kho; Kể từ khi Công ty HNT hoàn thành xong thiết bị hệ thống tháp sấy lúa thì chất lượng gạo khi tiến hành chạy hệ thống tháp không đạt theo yêu cầu là tỷ lệ gạo gãy rang là $\leq 4\%$. Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chất lượng hệ thống tháp sấy lúa do Công ty HNT lắp đặt có đạt chất lượng theo hợp đồng đã ký kết hay không? Nhưng hệ thống tháp sấy lúa do anh T và chị H quản lý, Tòa án đã triệu tập anh T và chị H đến Tòa án để làm việc, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tiến hành giám định, nhưng anh T và chị H không đến. Tòa án không thể chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tiến hành giám định được.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Công ty HNT xác định 02 bên đã tiến hành nghiệm thu công trình xong, cung cấp cho Tòa án biên bản nghiệm thu và bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng ngày 08/7/2016, biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản ngày 15/12/2016 và ngày 22/02/2017, có xác nhận của anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT là đã kiểm tra tài sản trước khi nhận và xác nhận tài sản đang trong điều kiện hoạt động bình thường, đáp ứng các thông số kỹ thuật theo yêu cầu của bên nhận. Điều này chứng minh, Công ty HNT đã lắp đặt hệ thống tháp sấy lúa đạt chất lượng theo yêu cầu của anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H. Cho nên, anh T và chị H phải có trách nhiệm thanh toán tiền cung cấp và lắp đặt hệ thống tháp sấy lúa cho Công ty HNT.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Công ty HNT buộc anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H liên đới trả số tiền còn nợ Công ty HNT đối với hợp đồng số 2 là 1.059.476.0000 đồng.

[2.1.3] Đối với yêu cầu của Công ty HNT về việc yêu cầu anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H trả số tiền Công ty HNT đã thanh toán cho Cơ sở Điện cơ – Điện công nghiệp QK thay cho anh T và chị H là 28.832.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị H thống nhất có nhờ Công ty HNT liên hệ với Cơ sở Điện cơ – Điện công nghiệp QK chạy dây điện từ CP tổng vào tủ điện quạt sấy của Cơ sở sấy lúa HT giùm cho anh T và chị H, Công ty HNT có thanh toán cho Cơ sở Điện cơ – Điện công nghiệp QK thay anh chị với chi phí là 28.832.000 đồng. Sau đó, anh chị đã thanh toán số tiền là 28.832.000 đồng cho Công ty HNT bằng cách trừ căn số tiền này vào số tiền mà anh chị thanh toán cho Hợp đồng số 2, nhưng anh chị không nhớ cụ thể đã trừ căn vào thời gian nào, vào số tiền nào. Việc anh chị trình bày, đại diện Công ty HNT không thừa nhận và không có chứng cứ gì chứng minh.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Công ty HNT buộc anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H liên đới trả số tiền còn nợ Công ty HNT là 28.832.000 đồng.

[2.1.4] Đối với yêu cầu của Công ty HNT về việc yêu cầu anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H trả số tiền lãi từ ngày 09/7/2018 với mức lãi suất là 9%/năm đối với số tiền còn nợ của hợp đồng số 1 là 96.815.665 đồng và số tiền còn nợ của hợp đồng số 2 là 1.059.476.000 đồng, tổng cộng 1.156.291.665 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thống nhất làm tròn số tiền gốc mà anh T và chị H phải trả cho Công ty HNT là 1.156.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 09/7/2018 với mức lãi suất là 9%/năm. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của nguyên đơn, không vượt quá phạm vi khởi kiện và phù hợp theo mức lãi suất quá hạn trung bình tại thời điểm xét xử sơ thẩm của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, có chi nhánh tại tỉnh Đồng Tháp. Ngoài ra, tại Điều 3 Hợp đồng số 2 quy định trong vòng 02 năm kể từ ngày nghiệm thu bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng (ngày 08/7/2016) anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H phải trả cho Công ty HNT số tiền còn lại, nên việc yêu cầu tính lãi từ ngày 09/7/2018 với mức lãi suất là 9%/năm của Công ty HNT là có căn cứ và được chấp nhận là phù hợp.

Lãi được tính như sau: $1.156.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times (\text{từ ngày } 09/7/2018 \text{ đến ngày } 16/10/2020 \text{ là } 2 \text{ năm } 03 \text{ tháng } 09 \text{ ngày}) = 236.691.000 \text{ đồng}.$

[2.2] Xét yêu cầu của Công ty C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT nhưng anh T không đến và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty C. Xét thấy, ngày 02/12/2016, Công ty C và anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT có ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số B1611212C2 và số B1612029C2; theo đó, Công ty C cho anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT thuê tài sản gồm hệ thống máy sấy lúa gồm 04 bộ tháp sấy (02 bộ tháp sấy/01 hợp đồng), với giá trị tài sản thuê là 1.100.700.000 đồng/01 Hợp đồng, giá trị thuê là 770.490.000 đồng/01 hợp đồng, với thời hạn thuê là 48 tháng, lãi suất được thỏa thuận cụ thể tại hợp đồng thuê.

Do anh T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê; Vào ngày 26/10/2018, Công ty C đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu anh T – đại diện hộ kinh doanh HT thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê là 1.124.542.834 đồng và chấm dứt hợp đồng thuê từ ngày 30/10/2018.

Chị H thống nhất anh T và chị H có ký kết các hợp đồng theo trình bày của đại diện Công ty C và thống nhất liên đới với anh T trả toàn bộ số tiền gốc và lãi

còn nợ theo yêu cầu Công ty C.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Công ty C buộc anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C số tiền thuê còn nợ tính đến ngày 16/10/2020 là: 1.024.127.859 đồng (một tỷ, không trăm hai mươi bốn triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn, tám trăm năm mươi chín đồng), trong đó, nợ gốc là 719.024.375 đồng và nợ lãi là 305.103.484 đồng; tiền lãi quá hạn phát sinh sau ngày 16/10/2020 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính là 14,13%/năm (bằng 1,5 lần lãi suất thuê trong hạn: 9,42%/năm) cho đến khi thanh toán xong nợ gốc là phù hợp.

[2.3] Đối với trình bày của anh T và chị H như nêu trên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra thông báo yêu cầu anh chị cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của anh chị, nhưng anh chị không cung cấp được, nên Tòa án không xem xét chấp nhận ý kiến trình bày của anh chị.

[3] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty HNT và Công ty C, nên Công ty HNT và Công ty C không phải chịu án phí; anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm a, b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b và d Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự; Điều 182, Điều 306 của Luật Thương mại; Điều 112, Điều 113 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Cơ khí HNT.

Buộc anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H liên đới trả cho Công ty TNHH Cơ khí HNT số tiền còn nợ là 1.421.523.000 đồng (một tỷ, bốn trăm hai mươi một triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn đồng), trong đó, nợ gốc là 1.184.832.000 đồng và lãi là 236.691.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế C.

Buộc anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền thuê còn nợ là 1.024.127.859 đồng (một tỷ, không trăm hai mươi bốn triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn, tám trăm năm mươi chín đồng), trong đó, nợ gốc là 719.024.375 đồng và nợ lãi là 305.103.484 đồng (tính đến ngày 16/10/2020).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính số B1611212C2 và số B1612029C2 cùng ngày 02/12/2016, được ký kết giữa Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C với Hộ kinh doanh HT cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Về án phí:

Anh Phan Thế T – đại diện hộ kinh doanh HT và chị Nguyễn Thị H phải liên đới chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 80.913.000 đồng (tám mươi triệu, chín trăm mười ba nghìn đồng).

Trả cho Công ty TNHH Cơ khí HNT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.777.000 đồng (hai mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BH/2018/0003837 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trả cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.292.500 đồng (hai mươi ba triệu, hai trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BH/2018/0008350 ngày 11/02/2020 và 444.000 đồng (bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BH/2018/0008352 ngày 12/02/2020 và của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Bạch Phiến